

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công
nguồn ngân sách Trung ương năm 2018**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Căn cứ Quyết định số 1972/QĐ-BKHĐT ngày 29/12/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 12/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 2457/TTr-SKHĐT-TH ngày 29/12/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách Trung ương năm 2018 cho các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện *(Có các biểu kế hoạch vốn chi tiết kèm theo)*.

Điều 2.

1. Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã triển khai kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách Trung ương năm 2018 được Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho các đơn vị, chủ đầu tư trực thuộc.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã (các chủ đầu tư) khẩn trương thực hiện các thủ tục để đảm bảo các công trình được ghi kế hoạch khởi công mới phải được đấu thầu và khởi công chậm nhất trong 4 tháng đầu năm 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- VPQH, VPCP, Bộ: KH&ĐT, TC;
- TTTU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Huyện, Thị ủy, TT. HĐND các huyện, thị xã;
- LĐVP, các Phòng, Trung tâm;
- Lưu: VT, (264Binh).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ^κ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trăm

BẢNG TỔNG HỢP**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2018**

(Kèm theo Quyết định số: ~~3464~~ /QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2018	Ghi chú
	TỔNG SỐ	567.079	
I	VỐN TRONG NƯỚC	549.790	
1	Hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg	11.790	
2	Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu	234.000	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Thu hồi các khoản vốn ứng trước của các chương trình mục tiêu	24.000	
3	Vốn đầu tư cho các dự án từ nguồn vốn trái phiếu Chính phủ	304.000	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	17.289	

Biểu số 1

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số: 3464/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh Bình Phước)

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2017		Kế hoạch năm 2018		Chủ đầu tư
		Số quyết định đầu tư : ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	12	13	14
	TỔNG CỘNG		2.450.498	2.277.169	1.707.954	1.707.954	115.264	146.258	146.258	549.790	24.000	
A	HỖ TRỢ NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG VỀ NHÀ Ở THEO QĐ SỐ 22/2013/QĐ-TTg									11.790		Bổ trí vốn để thu hồi tạm ứng
1	Huyện Bù Đăng									1.840		
2	Huyện Bù Đốp									2.420		
3	Huyện Bù Gia Mập									500		
4	Thị xã Bình Long									1.760		
5	Huyện Chơn Thành									240		
6	Huyện Đồng Phú									960		
7	Thị xã Đồng Xoài									300		
8	Huyện Hớn Quản									1.920		
9	Huyện Lộc Ninh									1.260		
10	Thị xã Phước Long									50		
11	Huyện Phú Riềng									540		
B	CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU		1.750.498	1.617.169	1.113.954	1.113.954	115.264	146.258	146.258	234.000	24.000	
1	Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng		671.850	640.930	588.000	588.000		40.000	40.000	153.000		
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		100.000	100.000	90.000	90.000		25.000	25.000	15.000		
1	Đường từ ngã 3 Vườn Chuối (Quốc lộ 14) đến khu vực trắng có Bù Lạch (thuộc tour du lịch nổi với Khu bảo tồn văn hóa dân tộc S'tiêng Sok Bom Bo) xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng	2403/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 988/QĐ-UBND ngày 26/4/2017	100.000	100.000	90.000	90.000		25.000	25.000	15.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
	<i>Các dự án khởi công mới năm 2018</i>		571.850	540.930	498.000	498.000		15.000	15.000	138.000		

STT	Dan h mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2017		Kế hoạch năm 2018		Chủ đầu tư
		Số quyết định đầu tư; ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW					
1	Nâng cấp đường ĐT 755 đoạn từ thị trấn Đức Phong đi Lam Sơn huyện Bù Đăng	994/QĐ-UBND ngày 26/4/2017	66.000	66.000	60.000	60.000		3.000	3.000	10.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông Bình Phước
2	Đường tránh nội ô thị xã Đồng Xoài (Kết nối ĐT 741 với QL 14)	1593/QĐ-UBND ngày 28/6/2017	109.920	90.000	80.000	80.000		3.000	3.000	30.000		UBND TX Đồng Xoài
3	Đường trục chính khu trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	1322/QĐ-UBND ngày 31/5/2017	77.000	77.000	70.000	70.000		3.000	3.000	20.000		UBND huyện Phú Riềng
4	Trụ sở huyện ủy, trụ sở HDND-UBND, hội trường và trụ sở khối đoàn thể huyện Phú Riềng	1038a/QĐ-UBND ngày 28/4/2017	77.000	77.000	70.000	70.000		3.000	3.000	18.000		UBND huyện Phú Riềng
5	Kho lưu trữ chuyên dùng tỉnh Bình Phước	1209/QĐ-UBND ngày 18/5/2017	45.000	45.000	40.000	40.000		3.000	3.000	10.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
6	Các tuyến đường nối QL 14 với khu dân cư Ấp 1 xã Tiến Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	2152/QĐ-UBND ngày 30/8/2017	116.930	105.930	106.000	106.000				20.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
7	Nâng cấp, mở rộng đường Phan Chu Trinh kết nối với QL 13 huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	2807/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	80.000	80.000	72.000	72.000				30.000		UBND huyện Lộc Ninh
II	Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư		110.000	110.000	100.000	100.000	-	42.258	42.258	10.000		
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		110.000	110.000	100.000	100.000		42.258	42.258	10.000		
	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, phát triển sản xuất nông nghiệp huyện Lộc Ninh	2198/QĐ-UBND ngày 21/8/2016; 989/QĐ-UBND ngày 26/4/2017	110.000	110.000	100.000	100.000		42.258	42.258	10.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
III	Chương trình mục tiêu cấp điện nông thôn miền núi và hải đảo		676.725	575.216	99.000	99.000	-	25.000	25.000	10.000	-	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		676.725	575.216	99.000	99.000	-	25.000	25.000	10.000	-	
1	Cấp điện nông thôn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013-2020	1153/QĐ-UBND ngày 04/6/2014	676.725	575.216	99.000	99.000		25.000	25.000	10.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2017		Kế hoạch năm 2018		Chủ đầu tư
		Số quyết định đầu tư : ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số	Trong đó: Thu hồi, các khoản vốn ứng trước NSTW	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW					
IV	Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao		110.000	110.000	101.690	101.690		3.000	3.000	10.000		
	<i>Các dự án khởi công mới năm 2018</i>		<i>110.000</i>	<i>110.000</i>	<i>101.690</i>	<i>101.690</i>		<i>3.000</i>	<i>3.000</i>	<i>10.000</i>		
	Xây dựng hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư	1246/QĐ-UBND ngày 23/5/2017	110.000	110.000	101.690	101.690		3.000	3.000	10.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
V	Chương trình mục tiêu Giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn		45.000	44.100	40.000	40.000		3.000	3.000	10.000		
	<i>Các dự án khởi công mới năm 2018</i>		<i>45.000</i>	<i>44.100</i>	<i>40.000</i>	<i>40.000</i>		<i>3.000</i>	<i>3.000</i>	<i>10.000</i>		
	Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS Bù Đốp	1836/QĐ-UBND ngày 31/7/2017	45.000	44.100	40.000	40.000		3.000	3.000	10.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
VI	Chương trình mục tiêu quốc phòng an ninh trên địa bàn trọng điểm		55.000	55.000	50.000	50.000		20.000	20.000	10.000		
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>55.000</i>	<i>55.000</i>	<i>50.000</i>	<i>50.000</i>		<i>20.000</i>	<i>20.000</i>	<i>10.000</i>		
	Đường nhựa vào các Đồn biên phòng Thanh Hòa, Đắk C, Bù Gia Mập và cụm dân cư Bù Gia Mập	2404/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 990/QĐ-UBND ngày 26/4/2017	55.000	55.000	50.000	50.000		20.000	20.000	10.000		Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng
VII	Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững		21.943	21.943	20.000	20.000		13.000	13.000	7.000		
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>21.943</i>	<i>21.943</i>	<i>20.000</i>	<i>20.000</i>		<i>13.000</i>	<i>13.000</i>	<i>7.000</i>		
	Dự án bảo vệ và phát triển rừng Vườn Quốc gia Bù Gia Mập	1438/QĐ-UBND ngày 13/6/2017	21.943	21.943	20.000	20.000		13.000	13.000	7.000		Vườn QG Bù Gia Mập

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020			Lũy kế vốn đã bỏ tri đến hết kế hoạch năm 2017		Kế hoạch năm 2018		Chủ đầu tư
		Số quyết định đầu tư : ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW					
VIII	Thu hồi ứng các dự án không thuộc chương trình mục tiêu quy định tại Nghị quyết 1023/NQ-BUTVQH13 và quyết định 40/2015/QĐ-TTg		59.980	59.980	115.264	115.264	115.264			24.000	24.000	
1	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước M26	2694/QĐ-UBND ngày 26/10/2016.	10.000	10.000						4000	4000	
2	Dự án di dời và ổn định dân cư tự do trong lâm phần Ban QLR phòng hộ Đak Mai	266/QĐ-UBND ngày 02/02/2010	23.103	23.103						10000	10000	
3	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Suối Giai	2277/QĐ-UBND ngày 27/11/2013	26.877	26.877						10000	10000	
C	VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ		700.000	660.000	594.000	594.000	-	-	-	304.000	-	
1	Nâng cấp, mở rộng bệnh viện đa khoa tỉnh từ 300 giường lên 600 giường bệnh	2446a/QĐ-UBND ngày 29/9/2017	700.000	660.000	594.000	594.000				304.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp

Biểu số 2

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NƯỚC NGOÀI NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số ~~3464~~ /QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Số quyết định	Quyết định đầu tư						Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016 - 2020			Lũy kế số vốn đã bố trí đến hết KH năm 2017			Kế hoạch năm 2018 (Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW tính theo tiền Việt)	Chủ đầu tư
			TMĐT						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)	Quy đổi ra tiền Việt	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW (tính theo tiền Việt)	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW (tính theo tiền Việt)			
				Tổng số	Trong đó: vốn NSTW									Tính bằng nguyên tệ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	TỔNG SỐ		61.831	5.388	-	-	56.443	56.443	61.743	5.300	56.443	44.454	5.300	39.154	17.289	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>61.831</i>	<i>5.388</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>56.443</i>	<i>56.443</i>	<i>61.743</i>	<i>5.300</i>	<i>56.443</i>	<i>44.454</i>	<i>5.300</i>	<i>39.154</i>	<i>17.289</i>	
	Công trình Xử lý chất thải bệnh viện đa khoa thị xã Bình Long.	1912/QĐ-UBND ngày 31/8/2015	14.020	1.230			12.790	12.790	14.020	1.230	12.790	8.560	1.230	7.330	5.460	Sở Y tế
	Dự án Xử lý nước thải bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước	1913/QĐ-UBND ngày 31/8/2015	20.624	1.859			18.765	18.765	20.536	1.771	18.765	16.580	1.771	14.809	3.956	Sở Y tế
	Công trình Xử lý chất thải bệnh viện đa khoa thị xã Phước Long.	1914/QĐ-UBND ngày 31/8/2015	13.468	1.183			12.285	12.285	13.468	1.183	12.285	8.759	1.183	7.576	4.709	Sở Y tế
	Công trình Xử lý chất thải bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước	1915/QĐ-UBND ngày 31/8/2015	13.719	1.116			12.603	12.603	13.719	1.116	12.603	10.555	1.116	9.439	3.164	Sở Y tế